TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 147/2017/HN-ST
Ngày: 08-9-2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Lâm Sơn**

2. Bà **Phan Thị Nga**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Ký** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2017/TLST-HN ngày 30 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "**Xin ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị C** - Sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh **Lê Văn T –** Sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: Vợ chồng sống chung vào năm 2013, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng cờ bạc, ăn nhậu không lo cho vợ con và gia đình. Vợ chồng không còn sống chung từ giữa năm 2015 cho đến nay không tới lui thăm nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trọng K – Sinh ngày 10/9/2014, hiện chị đang nuôi. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con vì hiện chị làm thuê đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C xác định không có.

Về nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Anh Lê Văn T trong quá trình giải quyết đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị C và triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng anh không có ý kiến gì và vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Toà án không thể lấy lời khai và hoà giải được.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Anh T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cúc;

Về quan hệ con chung: Chị C tiếp tục được nuôi cháu Lê Trọng K – Sinh ngày 10/9/2014, hiện chị đang nuôi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Chị Trần Thị C khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn T có nơi cư trú Ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Chị Trần Thị C và anh Lê Văn T sống chung vào năm 2013, có đăng ký kết hôn vào năm 2014, hôn nhân do mai mối. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc, không lo cho vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ giữa năm 2015 cho đến nay, không tới lui thăm nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị C yêu cầu được ly hôn anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị C và anh T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh An Giang theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Toà án đã thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị C và triệu tập hợp lệ anh T để giải quyết, nhưng anh không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi làm việc, hoà giải. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn

nhân của chị C và anh T tại địa phương, bà Phan Thị Thùy D – Phó ấp A, xã H cho biết, vợ chồng chị C có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn nhau bà không rõ, nhưng anh T hay cờ bạc, hai vợ chồng không còn sống chung hơn một năm nay. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh đối với chị C đã không còn, mẫu thuẫn giữa hai người đã trầm T, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Do đó, việc chị C xin ly hôn anh T là có cơ sở. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cúc.

Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trọng K – Sinh ngày 10/9/2014, hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay, chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K nên tình cảm gắn bó với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm và sự phát triển bình thường của cháu K. Bên cạnh đó chị C cũng có đủ điều kiện để nuôi cháu K. Do đó, việc để chị C tiếp tục nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cấp đến.

Về quan hệ tài sản chung: Chị C xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị C xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị C, anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]- Về án phí:

Chị Trần Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị C** xin ly hôn anh **Lê Văn T**.

Về quan hệ con chung: Chị C tiếp tục được nuôi cháu Lê Trọng K – Sinh ngày 10/9/2014, hiện chị đang nuôi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn T không trực tiếp nuôi con, nhưng anh có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của

con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị C xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị C, anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

Chị Trần Thị C phải chịu án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013951 ngày 30/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Chị Trần Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Hội An, huyện Chợ Mới;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức